

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	<p>Chủ đầu tư là: Ban Quản lý dự án các công trình giao thông và dân dụng tỉnh Gia Lai</p> <p>Địa chỉ: 705 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai</p> <p>Điện thoại: 0256.3892357; Fax: 0256.3891979</p> <p>Email: ppmu_binhdinh@yahoo.com</p>
<b>E-ĐKC 1.7</b>	<p>Công trình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gói thầu: Toàn bộ khối lượng thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.</li> <li>- Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh (Xây dựng mới đơn nguyên).</li> <li>- Địa điểm: 106 Nguyễn Huệ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: Dự kiến là vào ngày sau <b>670 ngày</b> theo lịch (bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ, không bao gồm thời gian gặp các trường hợp bất khả kháng) kể từ ngày khởi công.
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: <b>730 ngày</b> theo lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ, không bao gồm thời gian gặp các trường hợp bất khả kháng).
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: Là ngày ghi trong Thông báo khởi công do Chủ đầu tư phát hành.
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
<b>E-ĐKC 1.29</b>	- Tư vấn giám sát là: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát].
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.

<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và yêu cầu kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt.
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.</li> <li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</li> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm <b>07 ngày</b> trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn <b>15 ngày</b> kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá <b>05 ngày</b> , kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu <b>07 ngày</b> , trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường.
<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: <b>07 ngày</b> kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá <b>05 ngày</b> , kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Nhà thầu được ký kết hợp đồng với nhà thầu phụ có đầy đủ tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT.

<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 11.4</b>	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực thực hiện khối lượng thầu phụ, Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc có quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh trong trường hợp là nhà thầu trong nước;</li> <li>- Không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả; đang trong quá trình giải thể.</li> </ul> <p>Nhà thầu phải đính kèm năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ vào E-HSDT để chứng minh nhà thầu phụ có thể thực hiện được phần công việc mà nhà thầu phụ đảm nhiệm.</p>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm: Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu....</p> <p>Một số yêu cầu chính về hợp đồng bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi bảo hiểm: Là toàn bộ gói thầu, trách nhiệm đối với bên thứ ba và toàn bộ chi phí dọn dẹp hiện trường khi có tổn thất.</li> <li>- Thời gian bảo hiểm: Từ lúc khởi công cho đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng cộng thêm 60 tháng bảo hành.</li> <li>- Người thụ hưởng: Ban Quản lý dự án các công trình giao thông và dân dụng tỉnh Gia Lai.</li> <li>- Quy định về mức khấu trừ: Do mức khấu trừ là mức mà nhà thầu phải tự chịu nên nhà thầu cần cân nhắc trong quá trình thương thảo hợp đồng. Mức khấu trừ tối thiểu căn cứ theo nội dung cụ thể trong hợp đồng bảo hiểm giữa Chủ đầu tư và Đơn vị bảo hiểm.</li> <li>- Trường hợp hợp đồng xây dựng được thoả thuận kéo dài mà do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu phải thực hiện kéo dài thời hạn bảo hiểm tương ứng, phí bảo hiểm tính thêm do kéo dài thời hạn do Nhà thầu chịu.</li> <li>- Trường hợp hợp đồng xây dựng được thoả thuận kéo dài mà do lỗi Chủ đầu tư thì nhà thầu thực hiện kéo dài thời hạn bảo hiểm tương ứng, phí bảo hiểm tính thêm do Chủ đầu tư chịu.</li> </ul>

	<p>- Mọi rủi ro, hoặc tổn thất (nếu có) dưới mức khấu trừ (mức miễn thường) nhà thầu phải tự khắc phục bằng kinh phí của mình. Giá trị từ mức khấu trừ trở lên sẽ theo hợp đồng bảo hiểm quy định.</p> <p>- Mọi rủi ro do việc chậm mua bảo hiểm xây dựng và chậm thanh toán phí bảo hiểm cho nhà bảo hiểm thì Nhà thầu phải chịu khắc phục bằng kinh phí của mình.</p> <p>Trong vòng 15 ngày kể từ khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết, nhà thầu phải gửi 02 bản hợp đồng (bản chính) cho Chủ đầu tư.</p>
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình: 60 tháng, kể từ khi công trình được nghiệm thu và bàn giao. Đối với phần thiết bị theo bảo hành của Nhà sản xuất nhưng không < 24 tháng.
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: _____ [ghi địa điểm và ngày].
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<p>- Ngày khởi công: Theo ĐKCT 1.18.</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: Theo ĐKCT 1.17.</p>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng <b>10 ngày</b> từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 30 ngày/lần.</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 10% giá hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	Các trường hợp khác: Sẽ được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu phù hợp với điều kiện thực tế.

<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	Vật tư, máy móc, thiết bị đưa vào công trường để thực hiện dự án phải được kiểm tra, kiểm định chất lượng đáp ứng yêu cầu theo quy định kỹ thuật và các quy định hiện hành; các biểu mẫu, kết quả thí nghiệm, kết quả kiểm định phải được cung cấp kèm theo.
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.
<b>E-ĐKC 41.1</b>	<p>1. Giá hợp đồng: Được trượt giá</p> <p>Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì thực hiện như sau:</p> <p>a) Trượt giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực;</p> <p>b) Trượt giá hợp đồng được thực hiện bằng cách điều chỉnh đơn giá hoặc tính trượt giá của hợp đồng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 40 E-ĐKC. Không điều chỉnh giá hợp đồng đối với phần giá trị hợp đồng tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu kể từ thời điểm tạm ứng và đối với khối lượng công việc phát sinh tăng do lỗi chủ quan của nhà thầu gây ra.</li> </ul> <p>c) Giá Hợp đồng được điều chỉnh theo sự thay đổi của các chi phí đầu vào. Việc điều chỉnh giá Hợp đồng được thực hiện theo công thức điều chỉnh giá dưới đây:</p> $G_{TT} = G_{HD} \times P_n$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>G_{TT}</math>: Là giá thanh toán tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong tháng “n” của cả hợp đồng, hoặc của hạng mục công trình, hoặc của loại công tác, hoặc của các yếu tố chi phí.</li> <li>- <math>G_{HD}</math>: Là giá trong hợp đồng đã ký tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong tháng “n” của cả hợp đồng, hoặc của hạng mục công trình, hoặc của loại công tác, hoặc của yếu tố chi phí.</li> <li>- <math>P_n</math>: Là hệ số điều chỉnh giá (tăng hoặc giảm) áp dụng cho khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong tháng “n” của cả</li> </ul>

hợp đồng, hoặc của hạng mục công trình, hoặc của loại công tác, hoặc của yếu tố chi phí. Công thức xác định  $P_n$  như sau:

$$P_n = a + b \frac{Ln}{Lo} + c \frac{En}{Eo} + d \frac{Xn}{Xo} + \dots + o \frac{Kn}{Ko}$$

Trong đó:

- a: Là hệ số cố định, được xác định ở bảng số liệu điều chỉnh tương ứng trong hợp đồng, thể hiện phần không điều chỉnh giá (bao gồm phần giá trị tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu, tạm ứng trước để sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn, vật liệu xây dựng phải dự trữ theo mùa và giá trị các khoản chi phí không được điều chỉnh giá trong hợp đồng) của các khoản thanh toán theo hợp đồng (hoặc theo hạng mục, hoặc công tác, hoặc yếu tố chi phí trong hợp đồng).

- b: hệ số biểu thị tỷ trọng phần nhân công (L);
- c: hệ số biểu thị tỷ trọng phần máy thi công (E);
- d: hệ số biểu thị tỷ trọng phần xi măng (X).
- e: hệ số biểu thị tỷ trọng phần cát (C);
- f: hệ số biểu thị tỷ trọng phần đá (D);
- g: hệ số biểu thị tỷ trọng phần gạch xây (G);
- h: hệ số biểu thị tỷ trọng phần sắt, thép (T);
- i: hệ số biểu thị tỷ trọng phần vật liệu lợp, bao che (B);
- k: hệ số biểu thị tỷ trọng phần gạch ốp lát (O);
- l: hệ số biểu thị tỷ trọng phần sơn (S);
- m: hệ số biểu thị tỷ trọng phần vật tư điện (Đ);
- n: hệ số biểu thị tỷ trọng phần vật tư nước (N);
- o: hệ số biểu thị tỷ trọng phần Nhôm - kính (K).

Mã Chỉ số	Mô tả Chỉ số	Giá trị cơ sở và Ngày cơ sở
a	Hệ số cố định, thể hiện phần không điều chỉnh giá	0,315
b	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần nhân công	0,156
c	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần máy thi công	0,049
d	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Xi măng các loại	0,042
e	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Cát xây dựng các loại	0,009
f	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Đá xây dựng các loại	0,012

g	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Gạch xây các loại	0,012
h	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Thép xây dựng các loại	0,136
i	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Vật liệu lợp, bao che các loại	0,002
k	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Gạch ốp lát các loại	0,039
l	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Sơn và vật liệu sơn các loại	0,006
m	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Vật tư ngành điện các loại	0,098
n	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Vật tư ngành nước các loại	0,071
o	Hệ số biểu thị tỷ trọng phần Nhôm - Kính xây dựng các loại	0,053
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1,000</b>

- Các hạng mục có đơn giá là "toàn bộ" sẽ không được điều chỉnh đơn giá trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

- Các hạng mục có đơn giá là "tạm tính" sẽ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chính thức theo đơn giá tại thời điểm thực hiện làm cơ sở thanh toán và không được điều chỉnh đơn giá.

- Các chỉ số Lo, Eo, Xo, Co, Do, ...: là các chỉ số giá phần xây dựng so với "kỳ gốc năm 2020" tương ứng với mỗi loại chi phí nhân công, máy thi công, xi măng, cát, đá, ... được xác định trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày đóng thầu.

- Các chỉ số Ln, En, Xn, Cn, Dn, ...: Là các chỉ số giá phần xây dựng so với "kỳ gốc năm 2020" tại tháng nghiệm thu khối lượng thanh toán tương ứng với mỗi loại chi phí nhân công, máy thi công, xi măng, cát, đá, ... cho tháng "n".

---

- Nguồn chỉ số giá để áp dụng điều chỉnh giá hợp đồng được áp dụng theo công bố chỉ số giá của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai (<http://www.sxd.gialai.gov.vn> hoặc từ Văn phòng - Sở Xây dựng Gia Lai), áp dụng chỉ số công trình dân dụng - công trình y tế.

d) Thực hiện điều chỉnh giá khối lượng thi công hàng tháng:

	<p>- Thời gian thực hiện Điều chỉnh giá hợp đồng không quá 03 tháng kể từ ngày hoàn thành hồ sơ thanh toán gần nhất và có đủ điều kiện xác định đơn giá.</p> <p>- Nhà thầu phải thực hiện hoàn thành bảng phân khai khối lượng hàng tháng tương ứng với khối lượng đã nghiệm thu thanh toán (có ký xác nhận của đơn vị tư vấn giám sát) gửi về cho Chủ đầu tư để làm cơ sở điều chỉnh giá. Thời gian hoàn thành gửi về Chủ đầu tư trước ngày 05 tháng liền kề cho phần khối lượng đã được nghiệm thu hoàn thành. Trường hợp nhà thầu không thực hiện đúng thời gian nêu trên thì Chủ đầu tư sẽ xem xét từ chối việc điều chỉnh giá hợp đồng. Mọi sự chậm trễ Nhà thầu tự chịu hoàn toàn trách nhiệm.</p> <p>e) Giá trị điều chỉnh:</p> <p>Giá trị điều chỉnh giá hàng tháng là phần chênh (tăng hoặc giảm) của giá trị nghiệm thu thanh toán hàng tháng có khối lượng được xác định tại Mục g [Xác định khối lượng điều chỉnh giá] nhân với hệ số điều chỉnh Pn của tháng đó. Đối với khối lượng thi công chậm tiến độ được xác định do lỗi của Nhà thầu không được bù giá do trượt giá.</p> <p>g) Xác định khối lượng điều chỉnh giá:</p> <p>Trên cơ sở Nhật ký thi công, các tài liệu nghiệm thu khối lượng của TVGS và Ban QLDA để xác định khối lượng thi công theo từng thời điểm. Đối với phần khối lượng phát sinh có đơn giá lập mới tại thời điểm thi công không được điều chỉnh giá.</p> <p>2. Điều chỉnh khối lượng:</p> <p>- Bổ sung những khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng nhưng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và Nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; các khối lượng công việc đã có đơn giá trong hợp đồng được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng trong hợp đồng đã ký) được nghiệm thu.</p> <p>- Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký mà chưa có quy định về đơn giá trong hợp đồng thì các bên thống nhất lập đơn giá mới theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>
--	---

	<p>- Việc điều chỉnh khối lượng công việc giữa các thành viên trong liên danh nhà thầu không làm thay đổi giá hợp đồng xây dựng thì chủ đầu tư quyết định trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất của các thành viên liên danh và năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên, đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả, tiến độ của hợp đồng.</p> <p>3. Điều chỉnh tiến độ: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.</p>
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<p>- Tạm ứng: 30% giá trị hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng), khi có kế hoạch vốn bố trí cho gói thầu.</p> <p>- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận được văn bản đề nghị tạm ứng, bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 16 Chương VIII với giá trị tương đương với số tiền tạm ứng và hợp đồng bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng theo quy định, Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng và các khoản tạm tính) tương ứng số tiền là .....đồng.</p> <p>- Thời gian tạm ứng: ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... [<i>ghi cụ thể thời gian tạm ứng</i>].</p> <p>Việc thu hồi tạm ứng đảm bảo phù hợp với theo quy định tại Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025: Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu, được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng và các khoản tạm tính) (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).</p>
<b>E-ĐKC 44.1</b>	Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong</i></p>

	<i>hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền bảo hành bằng 8% giá trị Hợp đồng, được giữ lại tương ứng từ 8% giá trị khối lượng nghiệm thu qua các lần thanh toán từ lần thanh toán thứ nhất đến khi đủ giá trị tiền bảo hành theo quy định, được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Chủ đầu tư giữ lại và sẽ thanh toán cho Nhà thầu khi hết thời hạn bảo hành công trình. Trong trường hợp được chấp thuận, Nhà thầu sẽ nộp bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ xem xét và thanh toán tiền giữ lại bảo hành cho Nhà thầu.</li> <li>- Tiền tạm giữ chờ quyết toán bằng 2% giá trị Hợp đồng, được giữ lại tương ứng từ 2% giá trị giá trị khối lượng nghiệm thu qua các lần thanh toán từ lần thanh toán thứ nhất đến khi đủ giá trị tiền tạm giữ chờ quyết toán theo quy định; được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Chủ đầu tư và sẽ thanh toán cho Nhà thầu khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và Nhà thầu giao nộp đủ hồ sơ hoàn công. Trong trường hợp được chấp thuận, Nhà thầu sẽ nộp bảo lãnh của ngân hàng cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ xem xét và thanh toán tiền tạm giữ chờ quyết toán cho Nhà thầu.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Quy định cụ thể trong quá trình hoàn thiện Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 47.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p><b>* Phạt vi phạm hợp đồng:</b></p> <p><b>1. Phạt do vi phạm chậm tiến độ thực hiện hợp đồng:</b></p> <p>Trong quá trình thực hiện nếu Nhà thầu thi công chậm so với tiến độ quy định (ngoại trừ các nguyên nhân khách quan theo quy định) dẫn đến nguy cơ không hoàn thành gói thầu thì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi phạm lần đầu: Chủ đầu tư có thông báo phê bình Nhà thầu, đồng thời yêu cầu Nhà thầu có cam kết khắc phục và bù đắp tiến độ bị chậm</li> </ul>

trong khoảng thời gian theo yêu cầu của Chủ đầu tư và xử lý vi phạm hợp đồng theo quy định.

- Vi phạm lần 2: Chủ đầu tư có thông báo khiển trách Nhà thầu, đồng thời yêu cầu Nhà thầu cam kết khắc phục với các nội dung sau: Nhà thầu phải có biện pháp khắc phục, bù đắp thời gian bị chậm theo yêu cầu của Chủ đầu tư; nếu không đáp ứng yêu cầu Chủ đầu tư sẽ xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền điều chuyển một phần khối lượng cho nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định và xử lý vi phạm hợp đồng theo quy định.

- Vi phạm lần thứ 3 trở đi: Chủ đầu tư sẽ đánh giá lại năng lực thực tế của Nhà thầu để xem xét, chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu bị chậm tiến độ và xử lý vi phạm hợp đồng theo quy định pháp luật có liên quan, nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng sẽ bị đánh giá không hoàn thành hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng Chủ đầu tư gửi thông báo đến Bộ Tài chính để xem xét, đăng tải thông tin Nhà thầu vi phạm trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Báo đấu thầu.

Trường hợp phải xử lý vi phạm chấm dứt hợp đồng theo quy định, nếu giá gói thầu mới của phần khối lượng còn lại (được cơ quan thẩm quyền phê duyệt) cao hơn giá trị phần khối lượng còn lại của gói thầu (theo giá trúng thầu) thì Nhà thầu sẽ phải chịu toàn bộ giá trị chênh lệch đó cộng với các thiệt hại thực tế khác nếu có.

Nhà thầu vi phạm về chậm tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra, Nhà thầu sẽ chịu phạt như sau:

- Nhà thầu phải chịu mức phạt 0,05% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày vi phạm chậm tiến độ nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm; căn cứ tiến độ thi công chi tiết của hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thực hiện phạt vi phạm về chậm tiến độ; trường hợp chậm tiến độ do lỗi của Nhà thầu, Chủ đầu tư giữ lại khoản tiền tương ứng với mức phạt đã quy định trong kỳ thanh toán gần nhất để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định; đồng thời yêu cầu Nhà thầu có biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thi công, bù đắp thời gian bị chậm. Đối với những khối lượng thi công chậm tiến độ do lỗi của Nhà thầu sẽ không được tính điều chỉnh giá trong trường hợp trượt giá tăng lên. Khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu vi phạm thời gian hoàn thành theo hợp đồng đã ký, khoản tiền giữ lại tại các kỳ thanh toán nêu trên do Nhà thầu vi phạm hợp đồng sẽ không được hoàn trả tương ứng với thời gian Nhà thầu vi phạm (bị chậm) so với thời gian hoàn thành theo quy định của hợp đồng. Trường hợp vi phạm dẫn đến phải chấm dứt hợp

đồng, Nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng sẽ bị đánh giá không hoàn thành hợp đồng. Số tiền phạt sẽ được giữ lại qua các lần thanh toán.

- Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Nhà thầu đền bù vì lỗi gây ra, chứ không phải là việc chấm dứt hợp đồng trước khi hoàn thành công trình. Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Nhà thầu nghĩa vụ hoàn thành công trình hoặc bất cứ trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo như trong hợp đồng.

## **2. Phạt do vi phạm thi công kém chất lượng:**

Vi phạm kỹ thuật và chất lượng công trình: Nếu Nhà thầu thi công không đảm bảo quy trình, quy phạm yêu cầu kỹ thuật và mỹ quan trong xây dựng sẽ phải bồi thường mọi tổn thất cho việc sửa chữa lại (giá trị bồi thường theo thực tế phát sinh) và phải chịu phạt thêm 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm chất lượng. Số tiền phạt sẽ được giữ lại qua các lần thanh toán.

Nếu Nhà thầu vi phạm chất lượng thi công quá 3 lần thì Chủ đầu tư sẽ xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu, phần khối lượng công việc chưa thực hiện được áp dụng hình thức chỉ định thầu hoặc các hình thức lựa chọn nhà thầu khác trên cơ sở bảo đảm chất lượng, tiến độ của gói thầu. Sau khi chấm dứt hợp đồng Chủ đầu tư gửi thông báo đến Bộ Tài chính để xem xét, đăng tải thông tin Nhà thầu vi phạm trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Báo đấu thầu. Mọi thiệt hại do việc chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành.

Nhà thầu thi công xây dựng công trình không tuân thủ đúng theo hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật được duyệt, làm cho công trình kém chất lượng, tiến độ thi công chậm hoặc hư hỏng ở mức phải phá đi làm lại theo quyết định của Chủ đầu tư hoặc theo quy định tại hợp đồng kinh tế, buộc Nhà thầu thi công phải khắc phục sửa chữa theo hồ sơ thiết kế ban đầu và chịu toàn bộ kinh phí sửa chữa.

Nếu Bên nhận thầu vi phạm chất lượng thi công quá 3 lần thì Bên giao thầu sẽ xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng Bên giao thầu gửi thông báo đến Bộ Tài chính để xem xét, đăng tải thông tin Bên nhận thầu vi phạm trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Báo đấu thầu.

## **3. Phạt vi phạm không nộp hồ sơ quyết toán công trình:**

Nếu Nhà thầu chậm nộp hồ sơ theo quy định của hợp đồng thì Nhà thầu sẽ bị phạt 0,5% tổng giá trị hợp đồng và sau 60 ngày Nhà thầu vẫn chưa

nộp hồ sơ thì Chủ đầu tư sẽ phạt tiếp theo mức 0,05% tổng giá trị đồng cho mỗi tuần chậm trễ. Nhà thầu nộp phạt đủ 100% theo mức mà Chủ đầu tư phạt trong vòng 05 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản phạt Nhà thầu. Nếu Nhà thầu không nộp phạt thì Chủ đầu tư sẽ khấu trừ trực tiếp vào khoản tạm giữ chờ quyết toán.

**4. Phạt do bị đánh giá “Chưa đáp ứng yêu cầu” theo hệ thống đánh giá kết quả thực hiện của Nhà thầu xây lắp do Ban QLDA Giao thông tỉnh Bình Định (nay là do Ban Quản lý dự án các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh Gia Lai) ban hành tại Quyết định số 2546/QĐ-BQLGT ngày 31/10/2022:**

Nếu Nhà thầu bị đánh giá “Chưa đáp ứng yêu cầu” đối với gói thầu này trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, thì sẽ bị phạt như sau:

- Bị đánh giá “Chưa đáp ứng yêu cầu” lần đầu: Phạt tiền 0,1% tổng giá trị hợp đồng.
- Bị đánh giá “Chưa đáp ứng yêu cầu” lần thứ 2: Phạt tiền 0,2% tổng giá trị hợp đồng.
- Bị đánh giá “Chưa đáp ứng yêu cầu” lần thứ 3: Phạt tiền 0,5% tổng giá trị hợp đồng. Ngoài mức phạt tiền trên, Chủ đầu tư sẽ xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.

**5. Phạt khác:**

- a) Vi phạm nội dung trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ hợp đồng
  - Phạt tiền từ 0,1% tổng giá trị hợp đồng đến 0,2% tổng giá trị hợp đồng đối với nhà thầu không thực hiện đúng nội dung trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ hợp đồng.
- b) Vi phạm quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng công trình
  - Phạt tiền từ 0,1% tổng giá trị hợp đồng đến 0,2% tổng giá trị hợp đồng đối với một trong các hành vi sau:
    - + Sử dụng thiết bị thi công không có giấy tờ lưu hành, vận hành theo quy định, không kiểm định hoặc đã hết thời gian kiểm định, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nội dung ghi trong giấy tờ lưu hành, vận hành, kiểm định;
    - + Không có biển cảnh báo đề phòng tai nạn hoặc không bố trí người hướng dẫn tại những vị trí nguy hiểm trên công trường;

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không lập, trình chủ đầu tư chấp thuận biện pháp đảm bảo an toàn cho con người, công trình xây dựng, tài sản, thiết bị, phương tiện trong vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình;</li> <li>+ Không đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công;</li> <li>+ Không có quy định cụ thể biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trong biện pháp thi công.</li> </ul> <p>c) Vi phạm quy định về thi công xây dựng công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạt tiền từ 0,05% tổng giá trị hợp đồng đến 0,1% tổng giá trị hợp đồng đối với một trong các hành vi sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không hoàn trả mặt bằng, không di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và tài sản khác của nhà thầu ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao (trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác);</li> <li>+ Không báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan;</li> <li>+ Không tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định hoặc lập không phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại công trường.</li> </ul> </li> <li>- Phạt tiền từ 0,1% tổng giá trị hợp đồng đến 0,2% tổng giá trị hợp đồng đối với hành vi không trình chủ đầu tư chấp thuận một trong các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình, biện pháp thi công;</li> <li>+ Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;</li> <li>+ Tiến độ thi công xây dựng công trình.</li> </ul> </li> <li>- Phạt tiền từ 0,1% tổng giá trị hợp đồng đến 0,2% tổng giá trị hợp đồng đối với một trong các hành vi sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không lập bản vẽ hoàn công theo quy định;</li> <li>+ Không bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan;</li> </ul> </li> </ul>
--	--

	<p>+ Không tổ chức thực hiện các công tác thí nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị trước và trong khi thi công xây dựng theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng</p> <p>- Phạt tiền từ 0,2% tổng giá trị hợp đồng đến 0,3% tổng giá trị hợp đồng đối với một trong các hành vi sau đây:</p> <p>+ Sử dụng vật liệu, cấu kiện dùng cho công trình không có hồ sơ quản lý chất lượng hoặc hồ sơ quản lý chất lượng không đầy đủ theo quy định;</p> <p>+ Thi công sai hợp đồng xây dựng, sai giấy phép xây dựng, sai thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt hoặc sai chỉ dẫn kỹ thuật;</p> <p>d) Vi phạm quy định về bảo hành công trình xây dựng</p> <p>- Phạt tiền từ 0,2% tổng giá trị hợp đồng đến 0,3% tổng giá trị hợp đồng đối với hành vi không thực hiện trách nhiệm bảo hành theo quy định.</p> <p>6. Chủ đầu tư giữ lại khoản tiền phạt tương ứng với mức phạt đã quy định trong kỳ thanh toán gần nhất để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định. Khoản tiền giữ lại này sẽ chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chủ đầu tư.</p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	Bồi thường thiệt hại: Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt Hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 10 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có): 15 ngày trước ngày tổ chức họp nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại do chậm nộp hồ sơ hoàn công 0,1% giá trị hợp đồng/ ngày chậm và tối đa không quá 5% giá trị hợp đồng.

<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 45 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.
----------------------	---